TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HS-PT
Ngày: 13/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**

Các thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 284/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Lâm Văn N về "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 05/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo: Lâm Văn N, sinh ngày 02/12/1998 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên); nơi ở hiện tại: 580/11/89 T, tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường H, tỉnh Gia Lai); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Sán chỉ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T và bà Bàn Thị M; bị cáo có vợ là Nguyễn Thanh H và có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2024. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn N: ông Ngô Đức N1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2021, Lâm Văn N từ tỉnh Thái Nguyên chuyển đến sinh sống, buôn bán kinh doanh tại tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2024, Lâm Văn N thực hiện hoạt động cho vay tiền. N in các tờ rơi có nội dung cho vay tiền kèm theo số điện thoại 0933327955 (sim đăng ký tên Nguyễn Thanh H - vợ của N). Sau đó, N phát các tờ rơi trên đường thuộc địa bàn thành phố P, các huyện Đ và C, tỉnh Gia Lai, N đã sử dụng tài khoản "Gialai7979" , mật khẩu 333333 hoạt động trên website: "1gold.biz . Khi có người có nhu cầu vay tiền liên hệ thì N đưa ra các gói vay, lãi suất vay, số ngày vay, thời hạn trả tiền lãi và tiền gốc, yêu cầu cung cấp địa chỉ, số Căn cước công dân, Giấy phép lái xe,… để Nam kiểm tra thông tin rồi cho vay tiền. Lâm Văn N quy ước với người vay tiền, thời hạn trả nợ của 01 gói vay trong khoảng 20 đến 25 ngày "vay trả góp (bát họ)", người vay tiền sẽ phải trả trước 02 ngày tiền gốc và tiền lãi, số tiền này N sẽ trừ vào gói vay. Ngoài ra, N yêu cầu người vay phải trả tiền lệ phí hồ sơ với giá trị từ 5%-10%/hợp đồng của từng gói vay.

Hàng ngày, khách hàng vay sẽ trả tiền gốc, tiền lãi và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng M1 số 0930139798888 mang tên Lâm Văn N, hoặc đưa bằng tiền mặt cho N. Đối với những người vay chưa trả góp đủ theo kỳ vay thì N sẽ cho đáo hạn, tức là người vay tiền sẽ vay thêm gói vay mới, sau đó N trừ tiền số ngày chưa trả nợ hết gói vay cũ và tất toán gói vay này, số tiền còn lại N sẽ chuyển cho người vay, gói vay mới sẽ được tính lại từ đầu. Ngoài các khoản tiền cho vay trả góp, N còn cho người vay tiền trả tiền lãi theo tháng (tiền đứng), tức là người vay sẽ phải trả tiền lãi theo ngày mà không cần trả tiền gốc, trong khoảng 10 ngày thì khách hàng vay sẽ đóng tiền lãi cho N, hợp đồng vay của hai bên sẽ chấm dứt khi khoản vay được trả tiền gốc. Cả 02 hình thức vay Nam thu tiền lãi suất từ 152%/năm đến 913%/năm. Quá trình cho vay, N không theo dõi sổ sách, căn cứ vào các lần trả góp qua chuyển khoản ngân hàng và ghi chú trong điện thoại cá nhân. Từ tháng 3/2023 đến tháng 10/2024, Lâm Văn N đã cho 12 người vay với số tiền gốc là 3.958.000.000đ, N đã thu tiền lãi là 929.300.000đ. Trong đó số tiền thu lợi bất chính (vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 2015) là 866.413.150đ, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 22/6/2023 đến ngày 08/7/2023, chị Nguyễn Thị X (trú tại Thôn I, phường C, thành phố P) vay trả góp 02 lần gói 5.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Chị X đã trả tiền gốc, tiền lãi 12.800.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 2.690.411đ.

2. Từ ngày 04/7/2024 đến ngày 29/7/2024, anh Nguyễn Văn T1 (trú tại 3 N, phường H, thành phố P) vay trả góp 02 lần gói 5.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Anh T1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 13.000.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 2.890.411đ.

3. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 19/7/2024, anh Phạm S (trú tại N, Thôn A, Xã B, thành phố P) vay trả lãi theo tháng 03 lần gói 30.000.000đ, lãi suất 183%/năm. Anh S đã trả tiền gốc, tiền lãi 61.500.000đ. Số tiền thu lợi bất chính là 28.000.000đ. Hiện anh S chưa trả tiền gốc cho N 60.000.000đ.

4. Vào ngày 30/5/2024, anh Nguyễn Văn T2 (trú tại Tổ G, phường D, Tp ., Gia Lai) vay trả góp 01 lần gói 7.000.000đ, lãi suất 194%/năm. Anh T2 đã trả tiền gốc, tiền lãi 9.300.000đ; số tiền N thu lợi bất chính 2.135.068đ

5. Từ ngày 26/6/2023 đến ngày 09/7/2024, anh Nguyễn Q (trú tại Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) vay trả lãi theo tháng 02 lần gói vay 50.000.000đ, 01 lần gói vay 30.000.000đ, 4 lần gói vay 60.000.000đ, lãi suất của các gói vay từ 265,45%/năm đến 365%/năm. Anh Q đã trả tiền gốc, tiền lãi 482.400.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 104.865.753đ.

6. Từ ngày 18/3/2023 đến ngày 9/10/2023, chị Trần Thị K (trú tại Số F đường A, tổ D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vay trả góp 10 lần gói 3.000.000đ, lãi suất 365%/năm. Chị K đã trả tiền gốc, tiền lãi 37.800.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 7.389.041đ

7. Từ ngày 28/3/2024 đến ngày 22/10/2024, anh Thái Văn D (trú tại phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đã vay của Nam 02 hình thức:

+ Vay trả lãi theo tháng 02 lần gói vay 50.000.000đ, 01 lần gói vay 70.000.000đ, 03 lần gói vay 100.000.000đ, lãi suất của các gói vay 152%/năm đến 913%/năm. Anh D đã trả tiền gốc, tiền lãi 453.000.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 118.390.411đ. Hiện anh D còn nợ N 150.000.000đ.

+ Vay trả góp 08 lần gói 50.000.000đ, lãi suất 365%/năm thông qua ngân hàng M1 số tài khoản 12083869999 tên Trieu Van T3. Anh D đã trả tiền gốc, tiền lãi 510.000.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 104.520.548đ.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của N đối với 02 hình thức vay của anh D là 222.910.959đ

8. Từ ngày 22/02/2024 đến ngày 17/4/2024, anh Ngô Quang Đ (trú tại, hẻm A Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vay trả góp 07 lần gói vay 10.000.000đ, 04 lần gói vay 15.000.000đ, lãi suất gói vay 365%/năm. Anh Đ đã trả tiền gốc, tiền lãi 140.600.000đ; số tiền N thu lợi bất chính 27.065.753đ. Hiện anh Đ còn nợ N 18.000.000đ.

9. Từ ngày 25/3/2024 đến ngày 13/7/2024 chị Trần Thị V (trú tại 5 P, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vay trả góp 03 lần các gói vay 2.000.000đ, 6.000.000đ, 8.000.000đ, lãi suất gói vay 365%/năm. Chị V đã trả tiền gốc, tiền lãi 20.000.000đ, trong đó số tiền N thu lợi bất chính là 3.780.822đ.

10. Từ ngày 01/3/2023 đến tháng 09/10/2023 anh Phạm Văn S1 (trú tại A T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vay trả lãi theo tháng 08 đợt với các gói vay từ 20.000.000đ đến 150.000.000đ, lãi suất gói vay từ 365%/năm đến 430%/năm. Anh S1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 2.553.000.000đ; số tiền N thu lợi bất chính 370.164.384đ.

11. Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 23/5/2024, chị Huỳnh Nguyễn Tú T4 (trú tại A T, tổ C, phường H, P, tỉnh Gia Lai) vay góp 04 lần gói vay 50.000.000đ, 02 lần gói vay 20.000.000đ, lãi suất gói vay từ 284%/năm đến 365%/năm. Chị T4 đã trả tiền gốc, tiền lãi 334.500.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 89.020.548đ.

12. Từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/5/2024, chị Mai Thị Quyết T5 (trú tại 2 C, tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) vay 02 lần trả lãi theo tháng các gói vay 15.000.000đ, 10.000.000đ, lãi suất gói vay từ 122%/năm đến 183%/năm. Chị T5 đã trả tiền gốc, tiền lãi 31.400.000đ; số tiền N thu lợi bất chính là 5.500.000đ.

Tổng cộng Lâm Văn N đã cho 12 cá nhân vay với số tiền gốc là 3.958.000.000đ, N đã thu tiền lãi là 929.300.000đ; thu lợi bất chính là 866.413.150đ. Trong số 12 cá nhân vay tiền trên thì còn 03 cá nhân chưa trả tiền gốc cho N với số tiền là 228.000.000đ.

Qua điều tra, N khai đã dùng khoảng 150.000.000đ tiền gốc ban đầu của cá nhân để cho vay. Sau khi thu được tiền lãi thì N sử dụng tiền lãi và gốc thu được tiếp tục xoay vòng cho người khác vay. Tổng số tiền thu lợi bất chính 866.413.150đ, N đã sử dụng một phần cho người khác vay lại, số còn lại N dùng để tiêu xài cá nhân.

Về dân sự, những người liên quan không yêu cầu N phải trả lại cho họ khoản lãi N đã thu (khoản tiền N thu lợi bất chính).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 05/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ) quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Lâm Văn N phạm tội " Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

- Về biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi thu lợi bất chính và tiền làm công cụ phạm tội để sung ngân sách Nhà nước gồm các khoản sau:

+ Tổng số tiền lãi của bị cáo thu lợi bất chính 929.300.000đ (chín trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng);

+ Số tiền bị cáo làm công cụ phạm tội 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền bị cáo làm công cụ phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước như sau:

+ Anh Phạm S phải nộp 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);

+ Anh Ngô Quang Đ phải nộp 18.000.000đ (mười tám triệu đồng);

Ngoài ra, Toà án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025, Lâm Văn N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại biện pháp tư pháp về việc tịch thu số tiền làm công cụ phạm tội của bị cáo 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Văn N rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo về biện pháp tư pháp, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận các nội dung kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Văn N, sửa bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp đối với bị cáo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Văn N thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ 3/2023 đến tháng 10/2024, Lâm Văn N sử dụng số tiền 150.000.000đ để cho 12 cá nhân vay đi vay lại (đáo hạn) tổng số tiền các lần cho vay là 3.958.000.000đ với mức lãi suất từ 152%/năm đến 913%/năm. Bị cáo thu lợi bất chính 929.300.000đ (trong đó số tiền lãi trên 20% và tiền phí là 866.413.150đ và số tiền lãi trong mức quy định là 62.886.850đ). Hiện anh Phạm S đang nợ bị cáo tiền gốc 60.000.000đ, anh Ngô Quang Đ đang nợ tiền gốc

18.000.000đ. Gia đình bị cáo đã nộp 866.413.150đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (trong đó bao gồm số tiền 150.000.000đ do anh Thái Văn D vay nợ, nhưng sau đó đã trả thông qua chị Nguyễn Thanh H (vợ bị cáo).

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 05/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bị cáo Lâm Văn N phạm tội "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Lâm Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về phần hình phạt: Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo tự nguyện xin rút kháng cáo về phần hình phạt nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với bị cáo về phần hình phạt.

- Về biện pháp tư pháp: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ngoài khoản tiền gốc ban đầu làm công cụ phạm tội 150.000.000đ thì khoản tiền (150.000.000đ) mà bị cáo đã cho anh Thái Văn D vay, đều là số tiền công cụ phạm tội nên cần phải truy thu để sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo 300.000.000đ là chưa chính xác. Bởi lẽ số tiền bị cáo cho anh D vay, anh D đã trả thông qua chị Nguyễn Thanh H (vợ bị cáo) và chị H đã nộp vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (trong tổng số tiền 866.413.150đ đã nộp) nên không truy thu số tiền này là có căn cứ.

[3]. Do đó, HĐXX thấy cần chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo về biện pháp tư pháp, truy thu số tiền 150.000.000đ sung quỹ nhà nước, sửa 1 phần bản án sơ thẩm. Bị cáo Lâm Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lâm Văn N. Phần hình phạt của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lâm Văn N, sửa phần biện pháp tư pháp của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 05/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ).

- Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi thu lợi bất chính và tiền làm công cụ phạm tội để sung ngân sách Nhà nước gồm các khoản sau:

+ Tổng số tiền lãi của bị cáo thu lợi bất chính 929.300.000đ (chín trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng);

+ Số tiền bị cáo làm công cụ phạm tội 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền bị cáo làm công cụ phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước như sau:

+ Anh Phạm S phải nộp 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);

+ Anh Ngô Quang Đ phải nộp 18.000.000đ (mười tám triệu đồng);

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về các phần: hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng